

Bản án số: 36/2026/DS - ST
Ngày 11 – 3 – 2026
V/v kiện đòi Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Trung và bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 502/2025/TLST – DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc K đòi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2026/QĐST – DS ngày 12 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Trần Thị N; vắng mặt.

Địa chỉ: H Q, phường B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đình T; có mặt

Địa chỉ: Căn hộ A. DV01, tầng 01, tòa nhà A, dự án phát triển nhà ở xã H đường T, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H – Luật sư thuộc văn phòng L, đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Căn hộ A. DV01, tầng 01, tòa nhà A, dự án phát triển nhà ở xã H đường T, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh D; vắng mặt.

Địa chỉ: H Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Dương T1; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 1 Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: F T, phường N, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Giữa bà Trần Thị N và bà Nguyễn Thị Dương T1 có mối quan hệ họ hàng. Do thường xuyên đi làm ăn xa nên ngày 26/9/2018, bà N có đưa 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 để cất giữ hộ, cụ thể:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 058736 cấp ngày 24/9/2018 mang tên Trần Thị N, thửa đất số: 1067, tờ bản đồ số: 35, diện tích đất 3.040,3m² (đất trồng cây lâu năm) ở xã C bur, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở tài sản khác gắn liền với đất số: CP 058737 cấp ngày 24/9/2018 mang tên Trần Thị N, thửa đất số: 1068, tờ bản đồ số: 35, diện tích đất 560m² (đất trồng cây lâu năm) ở xã C bur, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 058738 cấp ngày 24/9/2018 mang tên Trần Thị N, thửa đất số: 1069, tờ bản đồ số: 35, diện tích đất 2.875,5m² (đất trồng cây lâu năm) ở xã C bur, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đến khoảng tháng 7 năm 2019, bà N có nhu cầu sử dụng 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên nên đã yêu cầu bà T1 trả lại. Tuy nhiên, bà T1 không trả mà nói 03 giấy chứng nhận nói trên đã bị mất rồi.

Ngày 09/6/2020, bà N đã làm Bản cam kết gửi UBND thành phố B và UBND xã C, thành phố B về việc báo mất ba giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Ngày 16/7/2020, UBND xã C, thành phố B đã ban hành Thông báo số: 40/TB-UBND về việc mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đồng thời lập

Biên bản về việc niêm yết công khai thông báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị N.

Ngày 12/7/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B tiếp nhận hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị mất của bà Trần Thị N.

Ngày 22/8/2019, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B nhận được đơn của ông Nguyễn Minh D ở H Đ, thành phố B (nay phường B), tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị ngăn chặn cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng 03 thửa đất nói trên đang đứng tên bà Trần Thị N.

Ngày 24/4/2020, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B tổ chức buổi họp về việc giải quyết hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận do bị mất của bà Trần thị N. Tại buổi họp, ông Nguyễn Minh D đã xuất trình bản gốc, gồm:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 058736 cấp ngày 24/9/2018 mang tên Trần Thị N, thửa đất số: 1067, tờ bản đồ số: 35, diện tích đất 3.040,3m² (đất trồng cây lâu năm) ở xã C bur, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở tài sản khác gắn liền với đất số: CP 058737 cấp ngày 24/9/2018 mang tên Trần Thị N, thửa đất số: 1068, tờ bản đồ số: 35, diện tích đất 560m² (đất trồng cây lâu năm) ở xã C bur, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 058738 cấp ngày 24/9/2018 mang tên Trần Thị N, thửa đất số: 1069, tờ bản đồ số: 35, diện tích đất 2.875,5m² (đất trồng cây lâu năm) ở xã C bur, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Lúc này bà N mới biết ông Nguyễn Minh D đang giữ 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, không biết ông D có từ đâu.

Qua sự việc trên nên ngày 13/5/2020, bà N có đơn rút hồ sơ nêu trên gửi Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, sau đó bà N về thương lượng với ông D trả lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên nhưng ông D không chịu trả.

Để đảm bảo quyền lợi cho bản thân bà N, bà N đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông Nguyễn Minh D phải trả cho bà Trần Thị N các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 058736; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 058737; Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 058738 cùng cấp ngày 24/9/2018 cho bà Trần Thị N.

Tại bản tự khai ngày 15/01/2026, bị đơn ông Nguyễn Minh D trình bày:

Vừa qua, tôi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 502/2025/TB TLVA ngày 7/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk, theo đó, tôi được biết bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc tôi phải trả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 058736, số CP 058737, số CP 058738. Đối với nội dung khởi kiện này của bà N tôi xin có ý kiến như sau:

Tôi được biết yêu cầu trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất không thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N là không đúng quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 3 của Văn bản số 141/TANDTC-KHXX ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân tối cao tôi đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, các Giấy chứng nhận này là do bà Nguyễn Thị Dương T1 giao cho tôi, tín chấp để làm tin để tôi cho vay số tiền 4.000.000.000 đồng. Tôi hoàn toàn không có quan hệ gì với bà N. Đến nay bà T1 vẫn chưa trả số tiền nói trên. Khi nào bà T1 toán xong khoản nợ trên thì tôi sẽ hoàn trả các Giấy chứng nhận này cho bà T1. Vì lý do công việc cá nhân bận rộn kinh doanh nên để đảm bảo an toàn các bản gốc Giấy chứng nhận tôi đã giao giấy chứng nhận nói trên cho người khác và không còn cất giữ bản gốc.

Vì vậy việc khởi kiện của bà N là không có căn cứ do tôi không còn cất giữ bản chính các Giấy chứng nhận nói trên. Nay tôi làm bản tự khai này đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 11 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Dương T1 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào khoảng năm 2018 – 2019 (do thời gian đã lâu nên tôi không nhớ rõ), tôi có nhận của bà Trần Thị N 03 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 058736; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 058737; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 058738 cùng cấp ngày 24/9/2018 cho bà Trần Thị N. Mục đích bà N đưa các GCNQSD đất này cho tôi là để nhờ tôi liên hệ chuyển đổi mục đích sử dụng đất (lên thổ cư) đối với các thửa đất trên.

Sau đó, đến năm 2019, tôi có đưa lại 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Nguyễn Minh D (lúc đó là hàng xóm của tôi) để nhờ ông D liên hệ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho bà N. Do là hàng xóm nên khi đưa GCNQSD đất, chúng tôi cũng không lập văn bản gì. Sau đó khoảng vài tháng, tôi không thấy ông D liên hệ để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho bà N nên tôi đã thông báo cho bà N biết để liên hệ ông D để lấy lại. Tuy nhiên ông D cố tình không trả.

Đến khoảng năm 2022, bà N có trình báo sự việc nói trên đến Công an, tuy nhiên sự việc không được xem xét, giải quyết.

Tôi xác định việc tôi đưa các GCNQSD đất đứng tên bà N cho ông D là chỉ nhằm mục đích để ông D liên hệ làm các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho bà N, không liên quan đến bất kỳ quan hệ vay mượn hay làm ăn, buôn bán nào khác.

Nay bà N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh D phải trả lại cho bà N 03 GCNQSD đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 058736; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 058737; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 058738 cùng cấp ngày 24/9/2018 cho bà Trần Thị N thì tôi đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị N.

Vì điều kiện đi lại xa xôi, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt tôi tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại các phiên tòa (nếu có).

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo.

- Về nội dung vụ án: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N. Buộc ông Nguyễn Minh D phải trả lại cho bà Trần Thị N các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 058736, CP 058737 và CP 058738 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cùng ngày 24/9/2018 mang tên Trần Thị N.

Trường hợp ông Nguyễn Minh D không trả 03 Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất nói trên thì bà Trần Thị N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh D trả lại 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà N. Xét thấy, phần 2, mục IV, giải đáp 02/TANDTC – PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao thì: “Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc người chiếm giữ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất thì Tòa án nhân dân sẽ thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự”. Do đó, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện đòi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Minh D có địa chỉ số H Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk nên việc Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Minh D đề nghị Tòa án căn cứ Công văn số 141/TANDTC-KHXX ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân tối cao để đình chỉ giải quyết vụ án vì không thuộc thẩm quyền của Tòa án là không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị N vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và gửi bản luận cứ bảo vệ, bị đơn ông Nguyễn Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Dương T1 đã có văn bản từ chối tham gia tố tụng. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Về nội dung: Tại bản tự khai ngày 15/01/2026, ông Nguyễn Minh D thừa nhận có nhận từ bà Nguyễn Thị Dương T1 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Trần Thị N. Như vậy, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh.

Ông D cho rằng, bà T1 đưa cho ông D 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để làm tin nhằm mục đích vay số tiền 4.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, đây là

một giao dịch dân sự độc lập giữa ông D và bà T1. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà T1 đưa cho ông D đều đứng tên bà N. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn xác định khi bà T1 đưa GCNQSD đất cho ông D, bà T1 không hỏi ý kiến của bà N. Ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có bà N có thỏa thuận giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm cho nghĩa vụ vay tiền giữa ông D và bà T1.

Do đó, việc ông D giữ 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 058736, CP 058737 và CP 058738 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cùng ngày 24/9/2018 cho bà Trần Thị N là cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản của bà N.

Theo khoản 2 Điều 164 của Bộ luật Dân sự quy định: “Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N đề nghị ông D trả lại 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: số CP 058736, CP 058737 và CP 058738 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cùng ngày 24/9/2018 cho bà Trần Thị N là có căn cứ, cần chấp nhận.

Trường hợp ông Nguyễn Minh D không trả 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên thì bà Trần Thị N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét ý kiến tại bản tự khai của ông D cho rằng hiện nay đã đưa 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho một người khác giữ, tuy nhiên ông D không cung cấp được thông tin của người này nên không có cơ sở để xem xét.

Đối với việc ông D cho rằng bà T1 có vay tiền của ông D thì ông D được quyền khởi kiện bà T1 bằng một vụ án độc lập theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Minh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 279 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 164 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

Buộc ông Nguyễn Minh D phải trả lại cho bà Trần Thị N bản chính của các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 058736 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/9/2018 mang tên Trần Thị N.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở tài sản khác gắn liền với đất số: CP 058737 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/9/2018 mang tên Trần Thị N

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 058738 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/9/2018 mang tên Trần Thị N.

Trường hợp ông Nguyễn Minh D không trả 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên thì bà Trần Thị N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Minh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 900.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai số 0003777 ngày 31 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Hương Giang